

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 09-6-2022  
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hữu Hà;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Phước Tâm;  
2. Bà Võ Thị Điệp;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Thu S**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: số 142, ấp An N, xã An B, huyện Cao L, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp Đức H, xã Cô T, huyện Tri T, tỉnh An Giang;

Hiện sinh sống: Nhà trọ C, số 24/3 đường Lý Chính T, ấp An L, xã An B, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2022; biên bản hòa giải ngày 23/5/2022 chị Hà Thị Thu S là nguyên đơn trình bày:**

- **Về hôn nhân:** Chị S và anh N chung sống với nhau năm 2018 không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng

thời gian gần đây, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân với nhau một thời gian dài, trong thời gian ly thân này vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị Hà Thị Thu Syêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Thành N.

- **Về con chung:** Chị S và anh N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Theo biên bản hòa giải ngày 23/5/2022, bị đơn anh Nguyễn Thành N trình bày:**

- **Về hôn nhân:** Anh N thừa nhận lời trình bày của chị S về việc hai người chung sống với nhau năm 2018 không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của chị S. Vợ chồng đã ly thân với nhau một thời gian dài, trong thời gian ly thân này vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay anh Nguyễn Thành N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Hà Thị Thu S.

- **Về con chung:** Anh N và chị S không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về tố tụng:**

Chị Hà Thị Thu Sương có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn*”.

Anh Nguyễn Thành N là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: ấp Đức H, xã Cô T, huyện Tri T, tỉnh An Giang nhưng hiện đang sinh sống tại Nhà trọ C , số 24/3 đường Lý Chính T, ấp An L, xã An B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị S và anh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 01 nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Hà Thị Thu S và anh Nguyễn Thành N.

## **2. Về nội dung vụ án:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị S và anh N thừa nhận chung sống với nhau vào năm 2018 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, chị S và anh N có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Nay, đời sống chung giữa chị S và anh N phát sinh mâu thuẫn, chị S yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị Hà Thị Thu S và anh Nguyễn Thành N là vợ chồng.

- **Về con chung:** Không có.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị S và anh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp theo biên lai số 0007450 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Thu S.

**1. Về hôn nhân:** Không công nhận chị Hà Thị Thu S và anh Nguyễn Thành N là vợ chồng.

**2. Về con chung:** Không có.

**3. Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về nợ chung:** Không có.

**5. Về án phí:** Chị Hà Thị Thu S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007450 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Hữu Hà**